

Bản án số: 32/2024/HS-PT

Ngày: 05/03/2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

-T phần Hội đồng xét xử P thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Minh Long**

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Anh Tuấn**

Ông **Bùi Trọng Danh**

-Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Na** – Thư ký TAND TP Đà Nẵng.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Lương Hồng Minh** - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 05/03/2024 tại Trụ sở, Tòa án nhân dân T phố Đà Nẵng mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 08/2024/TLPT-HS ngày 03/01/2024 đối với các bị cáo Nguyễn T, Hoàng Ngọc B và đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 88/2023/HS-ST ngày 30/11/2023 của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn T**; Giới tính: Nam; Sinh ngày 14 tháng 3 năm 1972 tại: T phố Đà Nẵng. Số CMND/Thẻ CCCD/Hộ chiếu: 19704411, cấp ngày 25 tháng 9 năm 2014, nơi cấp: Công an tỉnh Quảng Trị; Nơi ở hiện tại: số B, phường H, quận C, tp. Đà Nẵng. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không. Trình độ văn hóa: 12/12. Trình độ học vấn: Đại học Bách khoa Đ. Nghề nghiệp: Nguyên Phó Giám đốc Công ty TNHH C. Con ông Nguyễn T (đã chết) và bà Phạm Thị H (đã chết). Gia đình có 06 chị em, bị cáo là con thứ sáu; vợ Phan Thị Kim P, đã ly hôn, có 03 con, lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2014. Bị cáo là đảng viên, sinh hoạt đảng tại Chi bộ thôn Đ, xã H, huyện C, tỉnh Quảng Trị, đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng theo Quyết định số 28-QĐ/UBKTHU ngày 17/3/2023 của Ủy ban kiểm tra huyện ủy Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị. Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/02/2023, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an thành phố Đà Nẵng. Có mặt tại phiên tòa

2. Họ và tên: **Hoàng Ngọc B**; Giới tính: nam; Sinh ngày 22 tháng 8 năm 1979 tại: Quảng Bình; Số CMND/Thẻ CCCD/Hộ chiếu: 197063239, cấp ngày 07 tháng 5 năm 2009, Nơi cấp: Công an tỉnh Quảng Trị. Nơi đăng ký thường trú: H,

khu phố P, phường L, T phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Nơi ở hiện tại: số A, phường A, quận S, T phố Đà Nẵng. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ văn hóa: 12/12. Trình độ học vấn: Đại học Bách khoa Đ. Nghề nghiệp: Nguyên Giám đốc Công ty TNHH C. Con ông H Minh P (đã chết) và bà Trần Thị Bích G (sinh năm 1953). Gia đình có hai anh em, bị cáo là con thứ nhất; có vợ Trương Thị T, đã ly hôn; có 03 con lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh năm 2017. Bị cáo là đảng viên, sinh hoạt đảng tại Chi bộ Công ty cổ phần kỹ thuật B, đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng theo Quyết định số 244-QĐ/UBKTDU ngày 12/5/2023 của Ủy Ban kiểm tra Đảng ủy Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng. Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/02/2023, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an T phố Đà Nẵng.

3. Họ và tên: **Nguyễn Việt H**; Giới tính: nam; Sinh ngày: 19 tháng 5 năm 1979 tại tỉnh Quảng Nam. Số CMND/Thẻ CCCD/Hộ chiếu: 048079000576, cấp ngày 21/4/2021, nơi cấp: Cục CSQLHS về TTXH; Nơi ở hiện tại: số A, phường H, quận C, T phố Đà Nẵng. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ văn hóa: 12/12. Trình độ học vấn: Đại học Bách khoa Đ. Học hàm: Tiến sỹ. Nghề nghiệp: Giảng viên Đại học Bách khoa Đ. Con ông Nguyễn Việt H (sinh năm 1948) và bà Nguyễn Thị T (sinh năm 1958). Gia đình có 03 chị em, bị cáo là con thứ hai. Có vợ và 02 con, lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2010. Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 24/11/2023, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an T phố Đà Nẵng..

4. Họ và tên: **Phạm Đình H**; Giới tính: nam; Tên gọi khác: Ngọc; Sinh ngày 30 tháng 6 năm 1963, tại tỉnh Bình Định; Nơi ở hiện tại: Tổ 67, phường A, quận T, TP. Đà Nẵng. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ văn hóa: 10/12; Nghề nghiệp: Lái xe; Thẻ CCCD: 052063011127, cấp ngày 27/8/2021, Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH; Con ông Phạm Đình H (đã chết) và bà Lê Thị T (sinh năm 1934). Gia đình có 06 chị em, bị cáo là con thứ hai. Có vợ Phan Thị H, đã chết và 3 con, lớn nhất sinh năm 1986, nhỏ nhất sinh năm 1993. Tiền án, tiền sự : không. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

5. Họ và tên: **Đỗ Tài H**; Giới tính: nam; Sinh ngày: 19 tháng 4 năm 1977 tại T phố Đà Nẵng. Nơi ở hiện tại: phường H, quận L, T phố Đà Nẵng. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Số CMND: 201334036, cấp ngày 18/02/2020, nơi cấp: Công an T phố Đà Nẵng; Trình độ văn hóa: 6/12; Nghề nghiệp: Xe ôm. Con ông Đỗ Tài M (đã chết) và bà Phan Thị Xuân L (sinh năm 1954). Gia đình có 06 chị em, bị cáo là con thứ hai. Có vợ Lê Thị Minh L và

03 con, lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh năm 2014. Tiền án, tiền sự : không. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

Ngoài ra, trong vụ án này còn có các bị cáo Nguyễn Đức T, Nguyễn Đức C, Huỳnh Ngọc P; nH các bị cáo này không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị.

* Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Ngọc B: Luật sư Trần Đức Anh - VPLS Trần và Cộng sự. Địa chỉ: 51 đường Lê T Tông, tp. Đông Hà, tỉnh Quảng Trị. Ông Đức Anh có mặt.

* Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Việt H và bị cáo Nguyễn T: Luật sư Lê Văn Cao, Luật sư Trần Thị Hậu, Luật sư Phạm Thị Thảo – Công ty Luật Hợp danh FDVN thuộc Đoàn luật sư thành phố Đà Nẵng. Luật sư Cao và luật sư Thảo có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty TNHH (sau đây gọi tắt là Công ty V) địa chỉ trụ sở C tại số 1, phường H, quận C, T phố Đà Nẵng, ông Nguyễn Hữu T là Chủ tịch Hội đồng T viên, người đại diện pháp luật. Công ty có ngành nghề kinh doanh C là kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới. Ngày 22/3/2022, Công ty V được Cục Đăng kiểm Việt Nam - Bộ Giao thông vận tải cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới một dây chuyền kiểm định loại II, đến ngày 06/7/2022, được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động hai dây chuyền kiểm định loại II.

Ngày 01/01/2022, ông Nguyễn Hữu T ký hợp đồng lao động thuê Nguyễn T - là Đăng kiểm viên xe cơ giới bậc cao làm Phó Giám đốc. Ngày 01/7/2022, ông T ký hợp đồng lao động thuê Hoàng Ngọc B - là Đăng kiểm viên xe cơ giới bậc cao làm Giám đốc đồng thời có “Giấy ủy quyền và phân công công việc” giao cho Bình quản lý, điều hành mọi hoạt động của Công ty 43-05D.

Theo Quyết định số 1503/2022/QĐ/HĐTV ngày 15/3/2022 của Hội đồng T viên về việc Ban hành hệ thống thang bảng lương và tiêu chuẩn chức danh tại Công ty TNHH C thì Giám đốc công ty có trách nhiệm: *“Tổ chức, điều hành toàn bộ hoạt động của Công ty TNHH theo đúng các quy định của Cục Đăng kiểm Việt Nam và của pháp luật”*; Phó Giám đốc công ty có trách nhiệm: *“Tổ chức, điều hành hoạt động chuyên môn kiểm định của Công ty TNHH theo đúng quy định về nghiệp vụ đăng kiểm của Cục Đăng kiểm Việt Nam, ký giấy chứng nhận kiểm định và chức trách, thẩm quyền quy định trong quy chế tổ chức và hoạt động của công ty”*.

Công ty TNHH D (sau đây gọi tắt là Công ty D) địa chỉ trụ sở C tại phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng, bà Phan Thị L là Giám đốc, người đại diện pháp luật; tuy nhiên toàn bộ hoạt động quản lý, kinh doanh do Nguyễn Việt H (là chồng bà L) điều hành. Công ty có ngành nghề kinh doanh C là thiết kế, cải tạo các loại phương tiện xe cơ giới đường bộ.

Công ty TNHH G (sau đây gọi tắt là Công ty G) được Phòng Đăng ký Kinh doanh Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 0107776846, đăng ký lần đầu ngày 28/3/2017, địa chỉ trụ sở tại phường L, quận Đ, T phố Hà Nội. Công ty do Lê Đức T là Giám đốc, người đại diện pháp luật. Công ty có ngành nghề kinh doanh C là thiết kế, cải tạo các loại phương tiện xe cơ giới đường bộ.

Quá trình hoạt động, các Công ty V, Công ty D và Công ty G phải thực hiện đúng các quy định tại Thông tư số 85/2014/TT-BGTVT ngày 31/12/2014 và Văn bản hợp nhất số 41/VBHN-BGTVT ngày 22/7/2022 về cải tạo phương tiện giao thông cơ giới đường bộ. Theo quy định tại các văn bản này thì chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức, cá nhân như sau:

- Cơ sở thiết kế là tổ chức kinh doanh ngành nghề dịch vụ thiết kế xe cơ giới, cơ sở thiết kế lập hồ sơ thiết kế theo yêu cầu, mục đích sử dụng của chủ phương tiện, sau đó nộp văn bản đề nghị thẩm định thiết kế cho Cục Đăng Kiểm Việt Nam hoặc Sở Giao thông Vận tải (tùy vào hạng mục cải tạo) để thẩm định thiết kế.

- Cục đăng kiểm Việt Nam hoặc Sở Giao thông Vận tải xem xét, kiểm tra, đối chiếu và đánh giá các nội dung hồ sơ thiết kế cải tạo xe cơ giới với các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy định có liên quan cấp giấy chứng nhận thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo.

- Cơ sở cải tạo là tổ chức kinh doanh ngành nghề thi công cải tạo, sản xuất, lắp ráp xe cơ giới, cơ sở cải tạo thực hiện cải tạo xe cơ giới theo đúng thiết kế đã được thẩm định, đảm bảo các yêu cầu về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường; xe cơ giới sau thi công cải tạo xuất xưởng pH được cơ sở cải tạo kiểm tra đảm bảo chất lượng sản phẩm, kết quả kiểm tra được lập T biên bản nghiệm thu xuất xưởng xe cơ giới cải tạo.

- Xe cơ giới sau khi thi công cải tạo theo thiết kế đã thẩm định được Cục Đăng kiểm Việt Nam hoặc đơn vị đăng kiểm xe cơ giới thực hiện nghiệm thu và cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo.

Công ty V là đơn vị đăng kiểm xe cơ giới, có trách nhiệm trong việc nghiệm thu cấp “Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe

cơ giới cải tạo” (sau đây gọi tắt là Giấy chứng nhận cải tạo) theo đúng quy định pháp luật. Quá trình làm việc, Nguyễn T thấy có nhiều chủ phương tiện đã tự cải tạo xe hoặc muốn tự cải tạo xe liên hệ đến Công ty V để xin cấp Giấy chứng nhận cải tạo. Theo quy định thì các trường hợp này sẽ không được cấp giấy chứng nhận cải tạo mà pH thực hiện đúng quy định của pháp luật nH Nguyễn T và Hoàng Ngọc B trực tiếp hoặc thông qua môi giới để nhận của các chủ xe mỗi xe từ 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng để lập không hồ sơ thiết kế, thi công cải tạo rồi dùng hồ sơ này nghiệm thu để cấp Giấy chứng nhận cải tạo trái quy định của pháp luật.

Khoảng tháng 7/2022, Nguyễn Việt H đưa xe đến kiểm định tại Công ty V thì gặp Nguyễn T và Hoàng Ngọc B. Qua nói chuyện, H giới thiệu có mở Công ty D chuyên thiết kế, cải tạo xe cơ giới thì B, T nói khi có xe làm cải tạo sẽ chuyển cho H để lập không hồ sơ thiết kế, thi công cải tạo với chi phí hai bên thỏa thuận, thống nhất đối với xe do T chuyển là 2.500.000 đồng/xe, đối với xe do B chuyển là 2.300.000 đồng/ xe.

Khoảng từ tháng 7/2022, khi thấy có người dân đến liên hệ làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận cải tạo, Nguyễn T, Hoàng Ngọc B nhận hồ sơ sau đó gửi ảnh chụp giấy tờ phương tiện để làm hồ sơ thiết kế gửi cho H để H tiến hành lập hồ sơ thiết kế cải tạo theo quy định (gồm thuyết minh thiết kế kỹ thuật xe cơ giới và bản vẽ kỹ thuật) rồi nộp hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải T phố Đà Nẵng để thẩm định cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo. Sau khi được cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế, H lập không biên bản nghiệm thu xuất xưởng xe cơ giới cải tạo, bảng kê các hệ thống tổng T thay thế mới, văn bản đề nghị Trung tâm Đăng Kiểm xe cơ giới 43-05D kiểm tra chất lượng xe cơ giới cải tạo rồi gửi lại hồ sơ cho Nguyễn T, Hoàng Ngọc B và nhận tiền. T, B dùng các hồ sơ do H chuyển đến để lập thủ tục cấp Giấy chứng nhận cải tạo cho các chủ xe.

Qua điều tra xác định cụ thể các lần T, B nhận tiền của người khác để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận cải tạo như sau:

1. Nguyễn T nhận số tiền 9.500.000 đồng của Hồ Nguyên T để cấp Giấy chứng nhận cải tạo số 4305D-0001/2022/CNCT ngày 20/7/2022 cho xe ô tô biển số 43C-215.91.

Vào tháng 05/2022, ông Hồ Nguyên T là chủ đăng ký phương tiện xe ô tô tải, biển số 43C-215.91 có trao đổi với Nguyễn T về việc ông T muốn tự cải tạo thùng xe để bán hàng lưu động và đề nghị T giúp cấp Giấy chứng nhận cải tạo. T đưa ra chi phí là 9.500.000 đồng. Ngày 02/6/2022, ông T đã chuyển khoản số tiền 9.500.000 đồng vào tài khoản ngân hàng BIDV số 54010001044733 của T, nội dung chuyển khoản ghi “*TT tien cai tao xe tai 43C-215.91*”. Sau đó, T nói ông

Tmang xe đến Trung tâm 43-05D để T đo kích thước thùng hàng và nắm nội dung phương án mà ông T muốn cải tạo. Thời điểm này, xe ô tô của ông T đã có đầy đủ thùng hàng, mui lướt gió, chỉ cải tạo cắt thùng hàng để làm bách cửa thuận tiện cho việc bán hàng, kích thước thùng hàng giữ nguyên không thay đổi.

Sau khi nắm được các thông số kỹ thuật của xe ô tô và phương án cải tạo của ông T, T gửi các thông tin cho Lê Đức T - Giám đốc Công ty TNHH G tại Hà Nội để lập hồ sơ thiết kế, cải tạo với chi phí 5.000.000 đồng. Khoảng 15 ngày sau, T1 gửi lại hồ sơ thiết kế, cải tạo xe ô tô 43C-215.91 cho T qua đường bưu điện. Nhận được hồ sơ thiết kế, cải tạo, T báo ông T mang xe đến Trung tâm 43-05D rồi cùng ông Nguyễn Công T (là đăng kiểm viên xe cơ giới làm việc tại công ty) kiểm tra, lập biên bản kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo. Sau khi xong thủ tục, Nguyễn T ký cấp Giấy chứng nhận cải tạo số 4305D-0001/2022/CNCT ngày 20/7/2022 cho xe ô tô biển số 43C-215.91.

Đối với số tiền 9.500.000 đồng nhận được, Nguyễn T đã chuyển cho Lê Đức T 5.000.000 đồng, trả 610.000 đồng phí kiểm tra, nghiệm thu cải tạo, hưởng lợi 3.890.000 đồng.

2. Nguyễn T nhận số tiền 11.000.000 đồng của ông Lê H để cấp Giấy chứng nhận cải tạo số 4305D-0003/2022/CNCT ngày 05/8/2022 cho xe ô tô biển số 43C-233.45 và số 4305D-0004/2022/CNCT ngày 05/8/2022 cho xe ô tô biển số 43C-027.01.

Vào năm 2011, ông Lê H mua xe ô tô tải, biển số 43C-027.01. Đến năm 2019, ông H mua thêm xe ô tô tải, biển số 43C-233.45 để chở phế liệu. Sau khi mua xe, ông H tự lắp đặt thêm khung mui xe phủ bạt để chở phế liệu.

Đến tháng 6/2022, sau khi bị Cảnh sát Giao thông nhắc nhở về việc tự ý thay đổi thiết kế nên đầu tháng 7/2022, ông H đưa xe đến Trung tâm 43-05D hỏi thủ tục cải tạo thì gặp Nguyễn T. Ông H hỏi T về việc cấp Giấy chứng nhận cải tạo thì T đồng ý làm với chi phí mỗi xe là 5.500.000 đồng. Ngày 15/7/2022, ông H nhờ vợ là bà Nguyễn Thị Minh T chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng Vietcombank số 0771000607746 của T với số tiền 11.000.000 đồng, nội dung chuyển khoản ghi “*Le hau ck a thanh*”.

Nguyễn T kiểm tra hai xe ô tô của ông H thấy xe đã được gắn khung mui nhều cao quá giới hạn cho phép nên nói ông H sửa chữa, cắt giảm bớt chiều cao khung mui. T chụp ảnh lại giấy chứng nhận đăng ký xe, giấy kiểm định rồi chuyển thông tin cho Nguyễn Việt H để lập không hồ sơ thiết kế, thi công cải tạo. Sau khi được H làm xong và gửi cho T 02 bộ hồ sơ thiết kế, cải tạo, ngày 05/8/2022, Nguyễn T nói ông H đưa xe đến Trung tâm 43-05D kiểm tra, chụp

ảnh, T lập biên bản rồi cùng với Hoàng Ngọc B ký các Biên bản kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo. Sau đó Nguyễn T ký cấp giấy chứng nhận cải tạo số 4305D-0003/2022/CNCT ngày 05/8/2022 cho xe ô tô biển số 43C-233.45 và số 4305D-0004/2022/CNCT ngày 05/8/2022 cho xe ô tô biển số 43C-027.01.

Đối với số tiền 11.000.000 đồng nhận được, Nguyễn T đưa cho H 5.000.000 đồng, trả 1.220.000 đồng phí kiểm tra, nghiệm thu cải tạo, hưởng lợi 4.780.000 đồng.

3. Nguyễn T thông qua Đỗ Tài H nhận số tiền 5.500.000 đồng của ông Trần Minh H để Hoàng Ngọc B ký cấp Giấy chứng nhận cải tạo số 4305D-0008/2022/CNCT ngày 05/9/2022 cho xe ô tô biển số 43C-261.42.

Khoảng tháng 11/2021, ông Trần Minh H (nơi cư trú: phường H, quận T, thành phố Đà Nẵng) mua lại xe ô tô tải, biển số 43C-261.42 để chở hàng thuê, tại thời điểm mua xe đã được chủ cũ tự lắp đặt thêm khung mui phủ bạt.

Đến tháng 8/2022, bị lực lượng Cảnh sát Giao thông nhắc nhở về việc tự ý thay đổi thiết kế, ông H đến Công ty V hỏi thủ tục cấp giấy chứng nhận cải tạo thì gặp Đỗ Tài H. Do H trước đó có quen biết với Nguyễn T và được T cho biết nhận làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận cải tạo với giá 5.500.000 đồng nên H nói với ông H sẽ lo thủ tục cấp Giấy chứng nhận cải tạo cho xe của ông H với chi phí là 6.000.000 đồng, ông H đồng ý và đưa toàn bộ giấy tờ xe cho H.

Sau khi nhận các giấy tờ gồm: giấy chứng nhận đăng ký xe, giấy kiểm định từ ông H, H đưa cho Nguyễn T để T chụp ảnh các giấy tờ này gửi cho H để lập không hồ sơ thiết kế, thi công cải tạo. Sau khi nhận bộ hồ sơ thiết kế, cải tạo hoàn chỉnh từ H, ngày 05/9/2022, Nguyễn T nói ông H đưa xe đến Trung tâm 43-05D kiểm tra, chụp ảnh. T lập rồi cùng với Hoàng Ngọc B ký Biên bản kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo. Sau đó Hoàng Ngọc B ký cấp Giấy chứng nhận cải tạo số 4305D-0008/2022/CNCT ngày 05/9/2022 cho xe ô tô biển số 43C-261.42.

Sau khi được cấp giấy chứng nhận cải tạo, ông H đưa cho Đỗ Tài H 6.000.000 đồng, H đưa cho T 5.500.000 đồng, hưởng lợi 500.000 đồng.

Số tiền 5.500.000 đồng nhận được, T đưa cho H 2.500.000 đồng, trả 610.000 đồng phí kiểm tra, nghiệm thu cải tạo, hưởng lợi 2.390.000 đồng.

4. Nguyễn T thông qua Phạm Đình H nhận số tiền 10.000.000 đồng của vợ chồng ông Hà Văn D - bà Nguyễn Thị N và bà Đàm Thị Thu H để Hoàng Ngọc B ký cấp các Giấy chứng nhận cải tạo số 4305D-0010/2022/CNCT ngày 13/9/2022 cho xe ô tô biển số 43C-034.92 và số 4305D-0009/2022/CNCT ngày 13/9/2022 cho xe ô tô biển số 43H-3812.

Xe ô tô tải, biển số 43C-034.92 do ông Hà Văn Đăng ký chủ sở hữu. Khoảng năm 2012, ông D tự lắp đặt khung mui phủ bạt để vận chuyển phế liệu không đúng với thiết kế.

Xe ô tô tải, biển số 43H - 3812 do bà Đàm Thị Thu H quản lý, sử dụng (xe này do ông T đời đứng tên đăng ký chủ sở hữu). Khoảng năm 2013, bà H tự lắp đặt khung mui phủ bạt để vận chuyển phế liệu không đúng với thiết kế.

Do phương tiện đã được cải tạo, để tránh bị lực lượng Cảnh sát Giao thông xử lý, bà Nguyễn Thị N và bà Đàm Thị Thu H liên hệ với Phạm Đình H để hỏi thông tin. H thống nhất làm thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận cải tạo với chi phí cho xe của bà N là 6.500.000 đồng và xe của bà H là 5.500.000 đồng. Sau khi thống nhất, bà N và bà H đưa trước cho Hoàng mỗi người 2.000.000 đồng.

H liên hệ Nguyễn T để hỏi thủ tục và được T đồng ý thực hiện với chi phí 5.000.000 đồng/1 xe. Ngày 24/8/2022, Hoàng dùng tài khoản ngân hàng MB số 0795505269 chuyển vào tài khoản BIDV số 54010001044733 của T số tiền 4.000.000 đồng, nội dung ghi “*Lam tk 2xe*”. Sau đó, H lấy thông tin giấy đăng ký xe, giấy kiểm định từ chủ xe chuyển cho T để T chuyển cho H lập không hồ sơ thiết kế, thi công cải tạo.

Sau khi nhận hai bộ hồ sơ thiết kế, thi công cải tạo từ H, T không kiểm tra thực tế phương tiện mà lập và cùng với Bình ký vào Biên bản kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo. Ngày 13/9/2022, Bình ký cấp Giấy chứng nhận cải tạo số 4305D-0010/2022/CNCT cho xe ô tô biển số 43C-034.92 và số 4305D-0009/2022/CNCT cho xe ô tô biển số 43H-3812.

Sau khi nhận Giấy chứng nhận cải tạo, bà N trả cho Hoàng 4.500.000 đồng, bà H trả cho Hoàng 3.500.000 đồng. Ngày 14/9/2022, Hoàng chuyển vào tài khoản của T số 54010001044733 tại Ngân hàng BIDV số tiền 6.000.000 đồng, nộp tiền mua bảo hiểm trách nhiệm dân sự cho xe 43C-034.92 của bà N là 1.000.000 đồng, Hoàng hưởng lợi 1.000.000 đồng.

Đối với số tiền 10.000.000 đồng nhận của Hoàng, T trả cho H 5.000.000 đồng, trả 1.220.000 đồng phí kiểm tra, nghiệm thu cải tạo, hưởng lợi 3.780.000 đồng.

5. Hoàng Ngọc B nhận số tiền 6.000.000đ của ông Nguyễn Như T để cấp Giấy chứng nhận cải tạo số 4305D-0012/2022/CNCT ngày 19/9/2022 cho xe ô tô biển số 43C-048.30.

Vào năm 2018, ông Nguyễn Như T mua lại xe ô tô tải, biển số 43C-048.30 rồi tự lắp đặt khung mui phủ bạt để chở củi. Khoảng tháng 8/2022, ông T bị lực lượng Cảnh sát Giao thông kiểm tra, xử lý về việc tự ý thay đổi thiết kế phương tiện.

Do vậy, khoảng tháng 9/2022, ông T đến Công ty V gặp B nhờ cấp Giấy chứng nhận cải tạo xe. B đồng ý thực hiện với chi phí là 6.000.000 đồng. Ông T đưa trước cho B 1.000.000 đồng. B chụp ảnh xe, đo kích thước và lấy bản sao giấy chứng nhận đăng ký xe, giấy kiểm định xe gửi H để H lập không hồ sơ thiết kế, thi công cải tạo. Sau khi H gửi lại bộ hồ sơ thiết kế, thi công cải tạo, ngày 19/9/2022, B yêu cầu ông T đưa xe đến Trung tâm 43-05D để T lập và cùng B ký Biên bản kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo. Sau đó B ký cấp giấy chứng nhận cải tạo số 4305D-0012/2022/CNCT cho xe ô tô biển số 43C-048.30. Sau khi được cấp Giấy chứng nhận cải tạo, ông T đưa tiếp cho B 5.000.000 đồng.

Số tiền 6.000.000 đồng nhận từ ông T, B trả cho H 2.300.000 đồng, nộp 610.000 đồng phí kiểm tra, nghiệm thu cải tạo, hưởng lợi 3.090.000 đồng.

6. Hoàng Ngọc B thông qua Nguyễn Đức T nhận số tiền 5.500.000 đồng của ông Nguyễn Hữu T để cấp Giấy chứng nhận cải tạo số 4305D-0014/2022/CNCT ngày 03/10/2022 cho xe ô tô biển số 43C-063.67.

Vào tháng 8/2022, ông Nguyễn Hữu T mua lại xe ô tô tải, biển số 43C-063.67 rồi tự lắp đặt thêm khung mui xe để chở hàng không đúng với thiết kế.

Đến tháng 9/2022, ông T liên hệ với Nguyễn Đức T để nhờ lo cấp Giấy chứng nhận cải tạo, T đưa ra chi phí là 6.500.000 đồng, ông T đưa trước cho T 3.000.000 đồng. Do T có quen biết với B nên liên hệ nhờ B cấp Giấy chứng nhận cải tạo cho xe ô tô của ông T, B đưa ra chi phí là 5.500.000 đồng. T đưa trước cho B 3.000.000 đồng.

B yêu cầu ông T cung cấp bản sao giấy chứng nhận đăng ký xe, giấy kiểm định và đưa xe đến Công ty V để B chụp hình, đo kích thước thùng xe. Do khi đo kích thước thấy thùng xe lắp thêm khung tôn nên B yêu cầu T cùng ông T tháo ra để chụp hình. Sau đó, B chuyển hình ảnh xe và cùng giấy tờ xe cho H để lập không hồ sơ thiết kế, thi công cải tạo. Sau khi nhận được hồ sơ thiết kế, thi công cải tạo từ H, ngày 03/10/2022, B nói ông T đưa xe đến Công ty V để kiểm tra, nghiệm thu. Tại đây, T lập biên bản và cùng Bình ký biên bản kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo, sau đó Bình ký cấp Giấy chứng nhận cải tạo số 4305D-0014/2022/CNCT cho xe ô tô biển số 43C-063.67.

Sau khi nhận được Giấy chứng nhận cải tạo, ông T giao tiếp cho T 3.500.000 đồng. T đưa cho B 2.500.000 đồng, hưởng lợi 1.000.000 đồng.

Số tiền 5.500.000 đồng nhận của T, B trả cho H 2.300.000 đồng, nộp 610.000 đồng phí kiểm tra, nghiệm thu cải tạo, hưởng lợi 2.590.000 đồng.

7. Nguyễn T thông qua ông Huỳnh Ngọc P nhận số tiền 5.000.000 đồng

của ông Nguyễn Ngọc M để Hoàng Ngọc B cấp Giấy chứng nhận cải tạo số 4305D-0013/2022/CNCT ngày 03/10/2022 cho xe ô tô biển số 43C-224.29.

Khoảng tháng 9/2022, ông Nguyễn Ngọc M mua lại xe ô tô tải, biển số 43C-224.29 từ ông Nguyễn Du T(Nơi cư trú: thôn P, xã C, huyện H, thành phố Đà Nẵng) nhChưa làm thủ tục sang tên, đổi chủ.

Do có nhu cầu cải tạo thùng xe từ thùng kín sang khung mui phủ bạt nên ông M liên hệ với Huỳnh Ngọc P hỏi thủ tục cải tạo, P nói sẽ lo cấp Giấy chứng nhận cải tạo cho xe ông M với chi phí là 5.500.000 đồng. Ngày 16/8/2022, ông M chuyển vào tài khoản số 56010000906146 của P tại ngân hàng BIDV số tiền 3.000.000 đồng, nội dung ghi “*Tạm ứng tiền cải tạo xe 43C-224.29*”.

P quen biết T từ trước. Quá trình quen biết có hỏi và biết T nhận làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận cải tạo với chi phí là 5.000.000 đồng/xe. Do vậy, sau khi nhận tiền của ông M, P liên hệ và đưa cho T 2.000.000 đồng để làm thủ tục. Sau khi ông M cung cấp giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô, giấy kiểm định, T chụp ảnh gửi cho H để làm không hồ sơ thiết kế, thi công cải tạo.

Sau khi H làm và gửi bộ hồ sơ thiết kế, thi công cải tạo, T nói ông M đưa xe đến kiểm tra nhDo khung hàn xe không giống bản vẽ thiết kế nên T hướng dẫn ông M về làm lại cho giống bản vẽ. Đến ngày 03/10/2022, ông M đưa xe đến lại Công ty V để T kiểm tra. T lập và cùng B ký biên bản kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo, sau đó Bình ký cấp giấy chứng nhận cải tạo số 4305D-0013/2022/CNCT cho xe ô tô biển số 43C-224.29.

Sau khi được cấp Giấy chứng nhận cải tạo, ông M đưa tiếp cho P 2.500.000 đồng. Vào ngày 04/10/2023, P tiếp tục chuyển vào tài khoản ngân hàng BIDV số 54010001044733 của Nguyễn T số tiền 3.000.000 đồng, nội dung chuyển khoản ghi “*TRAN NGOC NAM Chuyen tien*”, P hưởng lợi 500.000 đồng.

Số tiền 5.000.000 đồng nhận của P, T trả choH 2.500.000 đồng, nộp 610.000 đồng phí kiểm tra, nghiệm thu cải tạo, hưởng lợi 1.890.000 đồng.

8. Nguyễn T nhận số tiền 5.500.000 đồng của ông Nguyễn S để Hoàng Ngọc B cấp Giấy chứng nhận cải tạo số 4305D-0015/2022/CNCT ngày 04/10/2022 cho xe ô tô biển số 43X-4842.

Vào tháng 6/2022, ông Nguyễn S mua lại xe ô tô tải, biển số 43X-4842 để chở hàng chưa sang tên, đổi chủ. Tại thời điểm mua, xe đã được chủ cũ tự cải tạo lắp đặt thêm khung mui phủ bạt không đúng với thiết kế.

Đến tháng 9/2022, khi bị lực lượng Cảnh sát Giao thông nhắc nhở về việc tự ý thay đổi thiết kế nên ông S đến Công ty V gặp B hỏi thủ tục cấp Giấy chứng nhận cải tạo cho xe 43X-4842. B hướng dẫn ông S gặp T để làm việc. T đưa ra chi phí là 5.500.000 đồng, yêu cầu ông S đưa trước 2.000.000 đồng để làm thủ

tục.

Sau đó, T nói ông S đưa xe ô tô đến Công ty V để T kiểm tra, chụp ảnh giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô, giấy kiểm định rồi gửi cho H để làm không hồ sơ thiết kế, cải tạo.

Sau khi nhận được hồ sơ thiết kế, thi công cải tạo từ H, ngày 04/10/2022, T nói ông S đưa xe ô tô đến Công ty V kiểm tra, nghiệm thu. Tại đây, T lập và cùng B ký biên bản kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo. Sau đó, B ký cấp giấy chứng nhận cải tạo số 4305D-0015/2022/CNCT cho xe ô tô biển số 43X-4842. Sau khi được cấp giấy chứng nhận cải tạo, ông S đưa tiếp cho T số tiền 3.500.000 đồng.

Số tiền 5.500.000 đồng nhận từ ông S, T trả cho H 2.500.000 đồng, nộp 610.000 đồng phí kiểm tra, nghiệm thu cải tạo, hưởng lợi 2.390.000 đồng.

9. Nguyễn T thông qua Nguyễn Đức C nhận số tiền 5.500.000đ của ông Nguyễn Thế Q để Hoàng Ngọc B ký cấp Giấy chứng nhận cải tạo số 4305D-0016/2022/CNCT ngày 04/10/2022 cho xe ô tô biển số 43C-104.76.

Vào tháng 6/2022, ông Nguyễn Thế Q mua lại xe ô tô tải, biển số 43C-104.76 rồi tự cải tạo lắp thêm khung mui phủ bạt để chở hàng không đúng với thiết kế.

Đến tháng 10/2022, do bị lực lượng Cảnh sát Giao thông nhắc nhở nên ông Q liên hệ với Nguyễn Đức C nhờ lo cấp Giấy chứng nhận cải tạo. C đưa ra chi phí là 6.000.000 đồng, ông Q đưa trước cho C 3.500.000 đồng.

C liên hệ với T để nhờ cấp Giấy chứng nhận cải tạo và được T đồng ý với chi phí là 5.500.000 đồng. C đưa trước cho T 3.000.000 đồng và gửi ảnh chụp giấy chứng nhận đăng ký xe, giấy kiểm định để T gửi cho H lập không hồ sơ thiết kế, thi công cải tạo.

Sau khi được hồ sơ thiết kế, thi công cải tạo từ H, ngày 04/10/2022, T nói ông Q đưa xe đến Trung tâm 43-05D. Tại đây, T lập và cùng B ký biên bản kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo, sau đó, B ký cấp Giấy chứng nhận cải tạo số 4305D-0016/2022/CNCT cho xe ô tô 43C-104.76.

Sau khi được cấp Giấy chứng nhận cải tạo, ngày 10/10/2022, C yêu cầu ông Q chuyển vào tài khoản ngân hàng SHB số 7775588999 đứng tên vợ C là bà Ngô Thị B số tiền 2.500.000 đồng vào ngày 10/10/2022. Sau khi nhận được tiền, C rút tiền mặt đưa lại cho T 2.500.000 đồng, hưởng lợi 500.000 đồng.

Số tiền 5.500.000 đồng nhận của C, T trả cho H 2.500.000 đồng, nộp 610.000 đồng phí kiểm tra, nghiệm thu cải tạo, hưởng lợi 2.390.000 đồng.

10. Nguyễn T nhận số tiền 5.000.000 đồng của ông Châu Ngọc Hoàng D để Hoàng Ngọc B ký cấp Giấy chứng nhận cải tạo số 4305D-0022/2022/CNCT ngày 10/11/2022 cho xe ô tô biển số 43X-2038.

Vào năm 2010, ông Châu Ngọc Hoàng D mua lại xe ô tô tải, biển số 43X-2038 rồi tự cải tạo lắp thêm khung mui phủ bạt để chở hàng không đúng với thiết kế.

Đến tháng 10/2022, bị Cảnh sát Giao thông nhắc nhở nên ông D đến Công ty V hỏi thủ tục cải tạo thì gặp T và được T nhận cấp Giấy chứng nhận cải tạo cho xe 43X-2038 với chi phí là 5.000.000 đồng.

Ông D đưa cho T 5.000.000 đồng cùng giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô, giấy kiểm định để T chụp ảnh gửi cho H lập không hồ sơ thiết kế, thi công cải tạo. Sau khi nhận được hồ sơ từ H, ngày 10/11/2022, yêu cầu T nói ông D đưa xe đến Công ty V kiểm tra, nghiệm thu. Tại đây, T lập và cùng B ký biên bản kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo, sau đó Bình ký cấp giấy chứng nhận cải tạo số 4305D-0022/2022/CNCT cho xe ô tô biển số 43X-2038.

Số tiền 5.000.000 đồng nhận được, T trả cho H 2.500.000 đồng, nộp 610.000 đồng phí kiểm tra, nghiệm thu cải tạo, hưởng lợi 1.890.000 đồng.

11. Nguyễn Thị N liên hệ với một người đàn ông (không rõ lai lịch) tại Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới 43-05D để lo cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo số 4305D-0023/2022/CNCT ngày 10/11/2022 cho xe ô tô biển số 43C-138.99 với chi phí 5.000.000 đồng.

Khoảng cuối năm 2016, bà Nguyễn Thị N mua lại xe ô tô tải, biển số 43C-138.99 để chở hàng, tại thời điểm mua xe đã được chủ cũ tự lắp đặt thêm khung mui phủ bạt, không đúng với thiết kế nên các lần đưa xe đi đăng kiểm, bà N đều tháo khung mui cho phù hợp với thiết kế ban đầu.

Trong một lần đưa xe đến Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Đà Nẵng 43-01S kiểm định, bà N gặp một người đàn ông (không rõ lai lịch), làm dịch vụ đưa xe đi kiểm định nên lấy số điện thoại, các lần hết hạn kiểm định sau đó bà N đều thuê người đàn ông này đưa xe đi kiểm định.

Đến tháng 10/2022, người đàn ông nêu trên liên hệ với bà N nói sẽ lo thủ tục cấp Giấy chứng nhận cải tạo cho xe 43C-138.99 với giá 5.000.000 đồng, bà N đồng ý giao cho người này 5.000.000 đồng cùng giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô, giấy kiểm định.

Đến ngày 10/11/2022, người này cùng bà N đưa xe ô tô 43C-138.99 đến Công ty V để kiểm tra. Tại đây, T lập và cùng B ký biên bản kiểm tra chất lượng

an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo, sau đó B ký cấp giấy chứng nhận cải tạo số 4305D-0023/2022/CNCT cho xe ô tô biển số 43C-138.99.

Nguyễn T thừa nhận thống nhất với Bình nhận số tiền 5.000.000 đồng để cấp giấy chứng nhận cải tạo cho xe ô tô 43C-138.99 không nhớ rõ người đưa tiền. Số tiền này T trả cho H 2.500.000 đồng, nộp 610.000 đồng phí kiểm tra, nghiệm thu cải tạo, hưởng lợi 1.890.000 đồng.

12. Nguyễn T thông qua Đỗ Tài H nhận số tiền 6.000.000 đồng của ông Trương Quốc T để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận cải tạo cho xe ô tô biển số 43C-008.37.

Vào năm 2016, ông Trương Quốc T mua lại xe ô tô tải, biển số 43C-008.37 để chở hàng, tại thời điểm mua xe đã được chủ cũ tự lắp đặt thêm khung mui phủ bạt, không đúng với thiết kế.

Đến tháng 8/2022, do bị lực lượng Cảnh sát Giao thông kiểm tra, xử lý nên ông T lên mạng xã hội tìm thì thấy Đỗ Tài H đăng thông tin nhận làm Giấy chứng nhận cải tạo xe ô tô, kèm theo số điện thoại để liên hệ.

Ông T liên hệ và được H thống nhất việc lo thủ tục cấp Giấy chứng nhận cải tạo cho xe ô tô với chi phí là 6.500.000 đồng. Sau đó, ông T cùng H đến Phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố Đà Nẵng để khai đăng ký cải tạo rồi đưa xe ô tô đến Công ty V để T chụp ảnh phương tiện, chụp giấy đăng ký xe, giấy kiểm định. Ông T đưa cho H 6.000.000 đồng và được H hứa hẹn 01 tháng sau sẽ có giấy chứng nhận cải tạo. Trong khi chờ thủ tục, ông T đưa tiếp cho H 500.000 đồng.

T gửi ảnh chụp giấy chứng nhận đăng ký xe, giấy kiểm định cho H để làm hồ sơ thiết kế, thi công cải tạo. Đến tháng 11/2022, khi nhận được bộ hồ sơ thiết kế, thi công cải tạo từ H, T yêu cầu anh T đưa xe đến Công ty V để kiểm tra, nghiệm thu. Tuy nhiên do cửa xe bị mục hỏng, đèn xe mờ nên T, B nói ông T mang xe về sửa lại, sau đó sẽ kiểm tra lại để cấp giấy chứng nhận cải tạo kết hợp đăng kiểm lại phương tiện.

Ông T đưa xe về sửa chữa, dự định tháng 02/2023 sẽ mang xe đến kiểm tra, nghiệm thu cải tạo và đăng kiểm lại phương tiện thời điểm này Nguyễn T, Hoàng Ngọc B đã bị bắt, khởi tố, tạm giam nên chưa thực hiện được.

Số tiền 6.500.000 đồng nhận của ông Trương Quốc T, do xe chưa được cấp giấy chứng nhận cải tạo nên H hứa đưa tiền cho T. T thừa nhận có thỏa thuận làm hồ sơ với H hứa nhận tiền.

13. Ông Phạm T liên hệ với một người đàn ông (không rõ lai lịch) tại Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới 43-05D để lo cấp Giấy chứng nhận cải tạo cho xe ô tô biển số 43C-244.05 với chi phí 5.500.000 đồng:

Vào tháng 9/2020, ông Phạm T mua lại xe ô tô tải, biển số 43C-244.05 rồi tự cải tạo lắp thêm khung mui phủ bạt để chở hàng phế liệu, không đúng với thiết kế.

Đến tháng 11/2022, do bị lực lượng Cảnh sát Giao thông nhắc nhở nên ông T đến Công ty Vhỏi thủ tục cải tạo thì gặp một người đàn ông (không rõ lai lịch) nói sẽ giúp làm thủ tục để được cấp Giấy chứng nhận cải tạo với chi phí 5.500.000 đồng. Ông T đồng ý nên đã đưa giấy đăng ký xe, giấy đăng kiểm xe và đưa xe đến Công ty Vđể người đàn ông này chụp ảnh và hẹn khi nào xong hồ sơ sẽ gọi báo cho ông T biết để mang xe đến kiểm tra, nghiệm thu, nhận Giấy chứng nhận cải tạo thì mới thanh toán tiền.

Khoảng tháng 12/2023, người đàn ông nêu trên gọi báo lại cho ông T biết là xe không được cấp Giấy chứng nhận cải tạo nên ông T không đưa tiền.

Đối với xe ô tô này, T là người nhận thủ tục, hình ảnh, gửi cho H để lập không hồ sơ thiết kế, thi công cải tạo. Sau khi hoàn T hồ sơ, H đã gửi lại cho T thời điểm này Cơ quan điều tra đang điều tra các vi phạm tại các Trung tâm Đăng kiểm trên cả nước nên T lo sợ không cấp Giấy chứng nhận cải tạo cho xe ô tô biển số 43C-244.05.

Nguyễn T thừa nhận có nhận làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận cải tạo cho xe này chưa nhận tiền và không nhớ ai là người đã liên hệ để nhờ lo cấp giấy chứng nhận cải tạo cho xe ô tô biển số 43C-244.05.

14. Hoàng Ngọc B thông qua Nguyễn Đức T thỏa thuận nhận số tiền 6.000.000 đồng của ông Nguyễn Duy K để cấp Giấy chứng nhận cải tạo cho xe ô tô biển số 43C-085.45.

Vào tháng 11/2022, ông Nguyễn Duy K mua lại xe ô tô tải, biển số 43C-085.45 để chở hàng, tại thời điểm mua xe đã được chủ cũ tự lắp đặt thêm khung mui, không đúng với thiết kế.

Đến tháng 12/2022, do thấy lực lượng Cảnh sát Giao thông tăng cường xử lý phương tiện tự ý thay đổi thiết kế nên ông K liên hệ với Nguyễn Đức T và được T thống nhất lo thủ tục cấp Giấy chứng nhận cải tạo với chi phí là 6.000.000 đồng. Ông K đưa trước cho T 3.000.000 đồng và gửi kèm theo bản sao giấy đăng ký xe, giấy kiểm định, hình ảnh xe.

T liên hệ B nhờ cấp Giấy chứng nhận cải tạo cho xe ô tô biển số 43C-085.45, Bình nói chi phí là 6.000.000 đồng, T đưa trước cho B 3.000.000 đồng. Do lúc đưa tiền không gặp B nên T đưa cho chị Trần Thị L (nhân viên làm việc tại Trung tâm Đăng kiểm) nhờ đưa lại cho B.

B gửi thông tin cho H để lập không hồ sơ thiết kế, thi công cải tạo. H đã hoàn T hồ sơ gửi lại cho Bdo thời điểm này Cơ quan điều tra đang điều tra các vi

phạm tại các Trung tâm Đăng kiểm trên cả nước nên B lo sợ không cấp Giấy chứng nhận cải tạo cho xe ô tô biển số 43C-085.45 mà trả lại tiền cho T để Trả lại cho ông K.

15. Ông Nguyễn Văn N liên hệ với một người đàn ông (không rõ lai lịch) tại Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới 43-05D để lo cấp Giấy chứng nhận cải tạo cho xe ô tô biển số 43H-6985 với chi phí 5.500.000 đồng:

Vào tháng 12/2022, ông Nguyễn Văn N mua lại xe ô tô tải, biển số 43H-6958 và nhờ bạn là Võ Văn T đứng tên đăng ký chủ sở hữu. Do có nhu cầu cải tạo gắn thêm khung mui để chở hàng nên ông N đến Công ty V để hỏi thủ tục thì gặp một người đàn ông (không rõ lai lịch). Người này nói sẽ giúp ông N được cấp Giấy chứng nhận cải tạo với chi phí 5.500.000 đồng. Ông N đồng ý nên đã đưa giấy đăng ký xe, giấy đăng kiểm xe và đưa xe đến Công ty V để người đàn ông trên chụp ảnh. Người này nói Nam về tự cải tạo xe, hẹn khi nào xong hồ sơ sẽ thông báo để ông N mang xe đến kiểm tra, nghiệm thu, nhận Giấy chứng nhận cải tạo, xong việc mới thanh toán tiền.

Đến khoảng tháng 01/2023, người đàn ông này gọi thông báo lại cho ông N biết là xe không được cấp Giấy chứng nhận cải tạo nên ông N không đưa tiền.

T là người nhận hồ sơ và liên hệ với H để yêu cầu H lập không hồ sơ thiết kế, thi công cải tạo. H đã hoàn T hồ sơ gửi lại cho T thời điểm này Cơ quan điều tra đang điều tra các vi phạm tại các Trung tâm Đăng kiểm trên cả nước nên T lo sợ không cấp Giấy chứng nhận cải tạo cho xe ô tô biển số 43H-6985. Nguyễn T khai chưa nhận tiền và không nhớ ai là người đã liên hệ để nhờ lo cấp giấy chứng nhận cải tạo cho xe ô tô biển số 43H-6985.

- Quá trình điều tra, bị cáo Nguyễn T nộp 21.290.000 đồng; Hoàng Ngọc B nộp 6.180.000 đồng; Nguyễn Việt H nộp 18.600.000 đồng; Đỗ Tài H nộp 4.000.000 đồng; Phạm Đình H nộp 1.000.000 đồng; Nguyễn Đức T nộp 1.000.000 đồng; Nguyễn Đức C nộp 500.000 đồng; Huỳnh Ngọc P nộp 500.000 đồng. Công ty V nộp lại số tiền 7.930.000 đồng.

* Với nội dung vụ án như trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 88/2023/HS-ST ngày 30/11/2023 Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, Tp Đà Nẵng đã quyết định:

- Căn cứ: điểm a, đ, g khoản 2 Điều 354, điểm b, s khoản 1 và 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật Hình sự; Xử phạt: bị cáo Nguyễn T 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Nhận hối lộ”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07/02/2023

- Căn cứ: điểm a, đ, g khoản 2 Điều 354, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 54 Bộ luật Hình sự; Xử phạt: bị cáo Hoàng Ngọc B 03 (ba) năm tù về tội “Nhận hối lộ”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10/02/2023.

- Căn cứ: điểm a, đ khoản 2 Điều 354, điểm b, s, t, v khoản 1 Điều 51, Điều 54 Bộ luật Hình sự; Xử phạt: bị cáo Nguyễn Việt H 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Nhận hối lộ”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24/11/2023.

- Căn cứ: điểm e khoản 2 Điều 365, điểm b, s khoản 1 và 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật Hình sự; Xử phạt: bị cáo Phạm Đình H 01 (một) năm tù về tội “Môi giới hối lộ”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Căn cứ: điểm e khoản 2 Điều 365, điểm b, s khoản 1 và 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật Hình sự; Xử phạt: bị cáo Đỗ Tài H 01 (một) năm tù về tội “Môi giới hối lộ”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Đức T, Nguyễn Đức C, Huỳnh Ngọc P từ 06 đến 09 tháng tù nH cho hưởng án treo về tội “Môi giới hối lộ” theo khoản 1 Điều 365 BLHS; phần xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo bản án.

* Trong thời hạn luật định; các bị cáo Nguyễn T, Hoàng Ngọc B, Nguyễn Việt H, Phạm Đình H và Đỗ Tài H có đơn kháng cáo với nội dung: Bị cáo T, Bình, H: Xin giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo H và H: Xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Các bị cáo Nguyễn T, Hoàng Ngọc B, Nguyễn Việt H, Phạm Đình H và Đỗ Tài H khai nhận hành vi phạm tội, xác định tội danh mà Tòa án cấp sơ thẩm đã kết án là đúng; các bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo, T, B, H xin giảm nhẹ hình phạt; bị cáo Hoàng và H xin hưởng án treo.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng có quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Nguyễn T, Hoàng Ngọc B về tội “Nhận hối lộ” theo điểm a, đ, g khoản 2 Điều 354 BLHS; xét xử bị cáo Nguyễn Việt H đồng phạm tội “Nhận hối lộ” theo điểm a, đ khoản 2 Điều 354 BLHS; xét xử các bị cáo Phạm Đình H và Đỗ Tài H về tội “Môi giới hối lộ” theo điểm e khoản 2 Điều 365 BLHS là đúng pháp luật.

Các bị cáo T, Bình, H phạm tội rất nghiêm trọng, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo T 03 năm 06 tháng tù, bị cáo Bình 03 năm tù và bị cáo H 02 năm 06 tháng tù là không nặng. Mặc dù, trong giai đoạn xét xử P thẩm các bị cáo T, B và H có thêm tình tiết giảm nhẹ mới là: Bị cáo T trong quá trình công tác được tặng thưởng Giấy khen, cha bị cáo là thương binh hạng 4/4; bị cáo B có cha mẹ và thân nhân tham gia cách mạng được tặng thưởng Huân chương kháng chiến; bị cáo H có cha tham gia kháng chiến bị tù đầy, là thương binh, được tặng thưởng

Huân chương kháng chiến và có thân nhân tham gia cách mạng bị hy sinh được Nhà nước công nhận là liệt sỹ, tác động gia đình nộp 200.000 đồng tiền án phí HSST; nhận xét các mức án trên là phù hợp, nên đại diện VKS đề nghị không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo T, Bvà H.

Đối với các bị cáo H và Hphạm tội nghiêm trọng, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt mỗi bị cáo 01 năm tù là phù hợp, là mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt; các lý do kháng cáo đều đã được Tòa án cấp sơ thẩm nhận định và áp dụng cho các bị cáo; riêng bị cáo H có tình tiết mới là từng tham gia nghĩa vụ quân sự, nh mức án trên là phù hợp. Do vậy, đại diện VKS cũng đề nghị không chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo H và H.

- Luật sư Trần Đức Anh trình bày quan điểm bào chữa: Không có ý kiến gì về tội danh, điểm khoản Điều luật mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đối với bị cáo B. Tuy nhiên, luật sư cho rằng mức án Tòa án cấp sơ thẩm tuyên đối với bị cáo là quá nặng: Trong vụ án này, bị cáo B mặc dù là giám đốc, bị cáo tham gia vào hành vi phạm tội với mục đích kiếm thêm thu nhập để phục vụ cho hoạt động của Trung tâm đăng kiểm; thực chất các bị cáo chỉ làm sai quy trình chứ các xe tự cải tạo được cấp Giấy chứng nhận đều đảm bảo chất lượng, hoàn toàn không ảnh hưởng đến an toàn giao thông đường bộ; số lần phạm tội và số tiền hưởng lợi của bị cáo B ít hơn so với bị cáo T chỉ có 6.180.000 đồng; bị cáo đã chủ động ra đầu thú; bị cáo có nhân thân tốt, quá trình tố tụng hợp tác với cơ quan điều tra, T khẩn khai báo, ăn năn hối cải, chủ động nộp lại toàn bộ số tiền được nhận; hoàn cảnh của bị cáo rất khó khăn, đã ly hôn vợ và có 03 con chưa T niên; có tình tiết mới là cả cha mẹ bị cáo và thân nhân tham gia cách mạng được tặng thưởng Huân chương kháng chiến, hiện cha chết mẹ già yếu đang bị tai biến. Do đó, Luật sư đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ mức án thấp nhất cho bị cáo.

- Quan điểm bào chữa của Luật sư Lê Văn Cao và Phạm Thị Thảo cho bị cáo Nguyễn T và Nguyễn Việt H: Không có ý kiến gì tội danh, điểm khoản Điều luật mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đối với các bị cáo T và H. Tuy nhiên, các Luật sư cho rằng:

+ Đối với bị cáo T: Trong vụ án này thực chất bị cáo T chỉ hưởng lợi số tiền 21.290.000 đồng; thực chất các bị cáo chỉ làm sai quy trình chứ các xe tự cải tạo được cấp Giấy chứng nhận đều đảm bảo chất lượng, hoàn toàn không ảnh hưởng đến an toàn giao thông đường bộ; bị cáo có nhân thân tốt, quá trình tố tụng hợp tác với cơ quan điều tra, T khẩn khai báo, ăn năn hối cải, chủ động nộp lại toàn bộ số tiền được nhận; hoàn cảnh của bị cáo rất khó khăn, đã ly hôn vợ và có 03 con chưa T niên; có tình tiết mới là quá trình công tác được Sở giao thông vận

tải tỉnh Quảng Trị tặng Giấy khen vì hoàn T tốt nhiệm vụ và cha bị cáo là người có công với cách mạng, là thương binh hạng 4/4. Do đó, Luật sư đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ mức án thấp nhất cho bị cáo T.

+ Đối với bị cáo H: Bị cáo không phải là người có chức vụ quyền hạn, không có chức năng hay thẩm quyền trong việc cấp Giấy chứng nhận kiểm định cải tạo xe cơ giới; trong tổng số tiền bị cáo được chia thì bị cáo đã sử dụng 1.000.000 đồng/mỗi bộ hồ sơ xin cấp giấy thẩm định đưa cho ông Lê Văn B là cán bộ Sở Giao thông vận tải thành phố Đà Nẵng, nên số tiền mà bị cáo được hưởng lợi là 18.600.000 đồng chứ không phải 34.600.000 đồng; bị cáo phạm tội với vai trò đồng phạm giúp sức thứ yếu, không đáng kể, không trực tiếp tiếp xúc hay đưa ra yêu cầu nhận hay môi giới hối lộ với các chủ phương tiện. Do đó, luật sư đề nghị xem xét không áp dụng các tình tiết định khung “Phạm tội có tổ chức” và “Phạm tội từ 02 lần trở lên” đối với bị cáo H; áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” cho bị cáo. Ngoài ra, bị cáo là người có nhân thân tốt, có học vị Tiến sĩ, trong thời gian phạm tội đang là giảng viên Trường Đại học Đ, quá trình công tác có nhiều cống hiến, được tặng thưởng nhiều Giấy khen, Bằng khen; bị cáo H có tình tiết mới là đã tác động gia đình nộp số tiền án phí theo quyết định của Bản án sơ thẩm, có cha tham gia cách mạng bị địch bắt tù đầy, là thương binh, được tặng thưởng Huân chương kháng chiến và có thân nhân tham gia cách mạng bị hy sinh được Nhà nước công nhận là liệt sỹ, cùng với các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng; Luật sư đề nghị xét giảm nhẹ mức án thấp nhất cho bị cáo và cho bị cáo được hưởng án treo, để thể hiện C sách nhân đạo của pháp luật và giúp bị cáo yên tâm cải tạo, sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong khoảng thời gian từ tháng 6/2022 đến tháng 12/2022, bị cáo Nguyễn T và bị cáo Hoàng Ngọc B với cương vị là Phó giám đốc và Giám đốc Công ty TNHH Clà đơn vị đăng kiểm xe cơ giới, có trách nhiệm trong việc nghiệm thu cấp “Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo” theo đúng quy định pháp luật; đã lợi dụng chức vụ quyền hạn của mình bàn bạc, cấu kết với bị cáo Nguyễn Việt H là người trực tiếp quản lý, điều hành Công ty TNHH Dlà Công ty có ngành nghề kinh doanh C là thiết kế, cải tạo các loại phương tiện xe cơ giới đường bộ; trực tiếp hoặc thông qua sự môi giới của các bị cáo Phạm Đình H, Đỗ Tài H, Nguyễn Đức T, Huỳnh Ngọc

P và Nguyễn Đức C nhận hối lộ của nhiều người với tổng số tiền nhận hối lộ là 96.500.000 đồng để cấp và hứa hẹn sẽ cấp Giấy chứng nhận đăng kiểm cải tạo xe cơ giới không đúng quy định của pháp luật; trong đó, T trực tiếp nhận tiền 09 lần tổng cộng 62.000.000 đồng, 03 lần đã thỏa thuận thống nhất sẽ nhận tổng số tiền 17.000.000 đồng H chưa nhận tiền; Hoàng Ngọc B thực hiện 14 vụ với tổng số tiền nhận hối lộ là 87.000.000 đồng, trong đó Bình trực tiếp nhận tiền 02 lần tổng cộng 11.500.000 đồng, 01 lần đã thỏa thuận thống nhất sẽ nhận 6.000.000 đồng N mới nhận 3.000.000 đồng; Nguyễn Việt H thực hiện 15 vụ, đã lập không 16 bộ hồ sơ thiết kế, nhận tổng cộng 34.600.000 đồng.

- Phạm Đình H 02 lần môi giới hối lộ với số tiền là 11.000.000 đồng, hưởng lợi 1.000.000 đồng; Đỗ Tài H 02 lần môi giới hối lộ với số tiền là 12.500.000 đồng, hưởng lợi 500.000 đồng...

Với hành vi như trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Nguyễn T, Hoàng Ngọc B về tội “Nhận hối lộ” theo quy định tại các điểm a, đ, g khoản 2 Điều 354 BLHS thuộc các trường hợp “Phạm tội có tổ chức”, “Phạm tội từ 2 lần trở lên” và “Đưa hối lộ”; bị cáo Nguyễn Việt H đồng phạm tội “Nhận hối lộ” với vai trò giúp sức cho bị cáo T và Bình theo quy định tại các điểm a, đ khoản 2 Điều 354 BLHS thuộc các trường hợp “Phạm tội có tổ chức”, “Phạm tội từ 2 lần trở lên”; xét xử các bị cáo Phạm Đình H và Đỗ Tài H về tội “Môi giới hối lộ” theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 365 BLHS thuộc trường hợp “Phạm tội từ 02 lần trở lên” là có căn cứ, đúng pháp luật.

HĐXX không chấp nhận quan điểm bào chữa của Luật sư Lê Cao khi đề nghị không áp dụng các tình tiết định khung “Phạm tội có tổ chức”, “Phạm tội từ 2 lần trở lên” đối với bị cáo Nguyễn Việt H.

[2] Xét tính chất của vụ án, HĐXX nhận thấy: Vì động cơ vụ lợi, nên các bị cáo đã bất chấp hậu quả, coi thường pháp luật, nhiều lần thực hiện hành vi nhận hối lộ và môi giới hối lộ. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến hoạt động đúng đắn, bình thường, tính chuẩn mực trong công tác cấp “Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo” của cơ quan, tổ chức do nhà nước quy định, gây mất lòng tin của nhân dân; nên cần PH có hình phạt tương xứng với tính chất mức độ phạm tội của từng bị cáo để cải tạo giáo dục các bị cáo; đồng thời để răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] Xét đơn kháng cáo của các bị cáo, HĐXX nhận thấy:

[3.1] Đối với bị cáo Nguyễn T và Hoàng Ngọc B là người có chức vụ quyền hạn, thẩm quyền trong công ty đăng kiểm, lôi kéo bị cáo H phạm tội, thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần, diễn ra trong một thời gian dài; phạm tội thuộc trường hợp rất nghiêm trọng; Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng hình phạt tù có thời

hạn đối với các bị cáo là cần thiết để cải tạo giáo dục các bị cáo và để răn đe, cảnh tỉnh và phòng ngừa chung cho xã hội.

- Tuy nhiên, xét số tiền mà các bị cáo T và Bình bị xác định nhận hối lộ là 96.500.000 đồng, đây là mức tiền nhận hối lộ quy định tại khoản 1 Điều 354 BLHS; trong tổng số tiền trên thì có 20.000.000 đồng là các bị cáo mới chỉ hứa hẹn sẽ nhận chứ thực tế chưa nhận của các chủ phương tiện, có sử dụng số tiền 34.600.000 đồng để chi cho người giúp sức là bị cáo Nguyễn Việt H, ngoài ra các bị cáo có nộp số tiền 610.000 đồng/mỗi bộ hồ sơ được cấp Giấy chứng nhận để nộp phí kiểm tra, nghiệm thu cải tạo về cho Trung tâm đăng kiểm với tổng số tiền là 7.930.000 đồng; như vậy số tiền thực tế mà các bị cáo T và Bình thực sự được hưởng lợi là chưa đến 50.000.000 đồng, cụ thể T hưởng lợi 21.290.000 đồng, B hưởng lợi 6.180.000 đồng. Mặt khác, trong tổng số các lần mà các bị cáo bị quy kết nhận hối lộ thì có nhiều trường hợp là do chủ phương tiện đã tự cải tạo xe hoặc bị công an giao thông xử phạt nên đã chủ động đặt vấn đề đưa tiền bồi dưỡng để được giúp đỡ hoặc một số trường hợp là thông qua người môi giới trung gian, chứ không hoàn toàn do các bị cáo chủ động “Đưa hối lộ”; các tình tiết này chưa được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét cho các bị cáo khi quyết định hình phạt.

Các bị cáo đều là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự; hoàn cảnh gia đình thật sự có khó khăn, đều đã ly hôn vợ và đều có 03 người con chưa T niên; quá trình tố tụng đã hợp tác với cơ quan điều tra, khai báo T khẩn, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; đã chủ động nộp lại toàn bộ số tiền được hưởng lợi; trong giai đoạn xét xử P thẩm các bị cáo cung cấp thêm tình tiết mới là: Bị cáo T trong thời gian công tác được Sở giao thông vận tải tỉnh Quảng Trị tặng Giấy khen vì đã hoàn T tốt nhiệm vụ, cha bị cáo là ông Nguyễn T là người có công với cách mạng là thương binh hạng 4/4, hiện cha đã chết mẹ già yếu; bị cáo Bình có cha Hoàng Minh P và mẹ Trần Thị G tham gia cách mạng được Nhà nước tặng thưởng nhiều Huân huy chương kháng chiến, hiện cha đã chết mẹ già yếu bị bệnh tai biến dẫn đến bại liệt.

Xét thấy, các bị cáo có thêm tình tiết mới về tính chất mức độ phạm tội và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự về nhân thân, điều kiện hoàn cảnh gia đình cần áp dụng bổ sung cho các bị cáo; nên HĐXX chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 và khoản 1 Điều 54 BLHS giảm cho các bị cáo một phần hình phạt, để thể hiện C sách nhân đạo của pháp luật và để các bị cáo yên tâm cải tạo sớm trở về với gia đình và xã hội.

[3.2] Đối với bị cáo Nguyễn Việt H, HĐXX nhận thấy: Bị cáo không là người có chức vụ quyền hạn trong Công ty 43 – 05D, không có chức năng hay

thẩm quyền trong việc cấp Giấy chứng nhận kiểm định cải tạo xe cơ giới; bị cáo chỉ dựa trên hình ảnh do B và T cung cấp tạo lập không hồ sơ thiết kế cải tạo xe cơ giới, hợp thức hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận cải tạo theo đề nghị của bị cáo B và T; trong tổng số tiền bị cáo được chia thì bị cáo đã sử dụng 1.000.000 đồng/mỗi bộ hồ sơ xin cấp giấy thẩm định đưa cho ông Lê Văn B là cán bộ Sở Giao thông vận tải thành phố Đà Nẵng, nên số tiền mà bị cáo được hưởng lợi là 18.600.000 đồng chứ không phải 34.600.000 đồng, bị cáo chỉ là người đồng phạm giúp sức có vai trò thứ yếu, không đáng kể, không trực tiếp tiếp xúc hay đưa ra yêu cầu nhận hay môi giới hối lộ với các chủ phương tiện; hiện bị cáo còn đang bị điều tra trong một vụ án khác tại tỉnh Quảng Nam; tình tiết này chưa được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

Mặt khác, xét bị cáo có nhân thân tốt, có học vị Tiến sĩ, là giảng viên Trường Đại học Đ, quá trình công tác có nhiều cống hiến, được tặng thưởng nhiều Giấy khen, Bằng khen vì đã có T tích xuất sắc trong công tác giảng dạy; sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo H có tình tiết mới là đã tác động gia đình nộp số tiền án phí theo quyết định của Bản án sơ thẩm, có cha Nguyễn Việt H tham gia cách mạng bị địch bắt tù đầy, là thương binh, được tặng thưởng Huân chương kháng chiến và có thân nhân là ông Nguyễn Mùi và Phan Phẩm tham gia cách mạng bị hy sinh được Nhà nước công nhận là liệt sĩ.

Xét thấy, bị cáo H có thêm tình tiết mới về tính chất mức độ phạm tội và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự về nhân thân, điều kiện hoàn cảnh gia đình cần áp dụng bổ sung cho bị cáo; nên HĐXX chấp nhận kháng cáo của bị cáo, áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 và khoản 2 Điều 54 BLHS giảm cho bị cáo một phần hình phạt, để thể hiện C sách nhân đạo của pháp luật và giúp bị cáo yên tâm cải tạo sớm trở về với gia đình và xã hội.

[3.3] Đối với bị cáo Phạm Đình H và Đỗ Tài H có hành vi làm trung gian, môi giới để cho bị cáo T và bị cáo B nhận hối lộ của các chủ phương tiện để được hưởng tiền môi giới; trong đó Phạm Đình H 02 lần môi giới hối lộ với số tiền là 11.000.000 đồng, hưởng lợi 1.000.000 đồng; Đỗ Tài H 02 lần môi giới hối lộ với số tiền là 12.500.000 đồng, hưởng lợi 500.000 đồng; phạm tội thuộc trường hợp “Phạm tội từ 02 lần trở lên”; Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt mỗi bị cáo 01 năm tù là có căn cứ. Tuy nhiên, xét các bị cáo này đều là người dân lao động hành nghề lái xe và xe ôm, được các chủ xe nhờ đi liên hệ đăng kiểm để hưởng tiền công; nhân thân các bị cáo chưa có tiền án tiền sự, lần đầu vi phạm pháp luật; số lần các bị cáo môi giới 02 lần là không nhiều, các lần phạm tội đều thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, số tiền mà các bị cáo được hưởng lợi là không quá lớn; quá trình tố tụng các bị cáo đã T khẩn khai báo, ăn năn hối cải, hợp tác với cơ quan điều tra

và đã tự nguyện nộp lại toàn bộ số tiền được hưởng lợi để khắc phục hậu quả; hoàn cảnh gia đình của các bị cáo có nhiều khó khăn, là lao động C trong gia đình; bị cáo H có vợ là công nhân và 03 người con chưa T niên; bị cáo H vợ chết do bệnh trong đợt dịch Covid 19, có 03 con trong đó có 01 con bị bệnh tâm thần; bị cáo H có tình tiết mới là giai đoạn năm 2001 đến 2003 đã tham gia và hoàn T nghĩa vụ quân sự. Xét thấy, các bị cáo H và H có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 và 2 Điều 51 BLHS, có nhân thân tốt, hoàn cảnh gia đình khó khăn; nên HĐXX thấy không cần thiết cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội, mà áp dụng chế định án treo quy định tại Điều 65 BLHS cho các bị cáo được cải tạo giáo dục tại địa phương và ấn định cho các bị cáo một thời gian thử thách cũng đảm bảo tác dụng cải tạo giáo dục và răn đe phòng ngừa chung cho xã hội, thể hiện C sách nhân đạo của pháp luật Việt Nam.

[4] Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 88/2023/HSST ngày 30 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, T phố Đà Nẵng không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Do được chấp nhận kháng cáo, nên các bị cáo không pH chịu án phí hình sự P thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355; điểm c, e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn T, Hoàng Ngọc B, Nguyễn Việt H, Phạm Đình H, Đỗ Tài H; sửa 1 phần bản án sơ thẩm, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo Nguyễn T, Hoàng Ngọc B, Nguyễn Việt H; giữ nguyên mức phạt tù nH cho các bị cáo Phạm Đình H và Đỗ Tài H được hưởng án treo.

1.1. Căn cứ: điểm a, đ, g khoản 2 Điều 354; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: bị cáo Nguyễn T03 (Ba) năm tù về tội “Nhận hối lộ”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07/02/2023

1.2. Căn cứ: điểm a, đ, g khoản 2 Điều 354, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: bị cáo Hoàng Ngọc B02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Nhận hối lộ”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10/02/2023.

1.3. Căn cứ: điểm a, đ khoản 2 Điều 354; điểm b, s, t, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 2 Điều 54 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: bị cáo Nguyễn Việt H01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Nhận hối lộ”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24/11/2023.

1.4.Căn cứ: điểm e khoản 2 Điều 365; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51;khoản 1 Điều 54; Điều 65 Bộ luật Hình sự.Xử phạt: bị cáo Phạm Đình H 01 (Một) năm tù về tội “Môi giới hối lộ” nHcho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 năm, tính từ ngày tuyên án P thẩm, ngày 05/03/2024.

Giao bị cáo Phạm Đình H về cho Ủy ban nhân dân phường An Khê, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng nơi bị cáo cư trú giám sát giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.Trường hợp bị cáo Phạm Đình H thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

1.5. Căn cứ: điểm e khoản 2 Điều 365; điểm b, s khoản 1 và 2 Điều 51;khoản 1 Điều 54; Điều 65 Bộ luật Hình sự; Xử phạt: bị cáo Đỗ Tài H 01 (Một) năm tù về tội “Môi giới hối lộ” cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 năm, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm, ngày 05/03/2024.

Giao bị cáo Đỗ Tài H về cho Ủy ban nhân dân phường Hòa Khánh Nam, quận Liên Chiểu, T phố Đà Nẵng giám sát giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.Trường hợp bị cáo Đỗ Tài H thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách của án án treo,nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể Quyết định buộc người được hưởng án treo pH chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Tuyên tiếp tục quy trừ số tiền 200.000 đồng do bà Phạm Thị L vợ bị cáo H nộp tại biên lai thu tiền số 0001815 ngày 18/12/2023 của Cục thi hành án dân sự T phố Đà Nẵng để đảm bảo thi hành án cho bị cáo Nguyễn Việt H.

3. Về án phí hình sự P thẩm: Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án: Các bị cáo Nguyễn T, Hoàng Ngọc B, Nguyễn Việt H, Phạm Đình H, Đỗ Tài H không pH chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 88/2023/HSST ngày 30 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, T phố Đà Nẵng không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sựP thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Đà Nẵng;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng
- Vụ Giám đốc kiểm tra 1;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ P THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký và đóng dấu)

- VKSND quận Cẩm Lệ;
- PV27; PC81 Công an TP. Đà Nẵng;
- TAND quận Cẩm Lệ;
- THADS quận Cẩm Lệ;
- Sở Tư pháp TP. Đà Nẵng;
- Các bị cáo và người tham gia tố tụng
- Lưu: HS; HCTP.

Trần Minh Long

